

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN HÓA HỌC 11 CÓ ĐÁP ÁN

1. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 1

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT ĐẮK SONG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I
MÔN: HÓA HỌC 11
NĂM HỌC 2019- 2020

Đề gồm: 30 câu - Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1: Cho các kết luận sau:

- (a) NH_3 có mùi khai.
- (b) NH_3 tan nhiều trong nước.
- (c) dd NH_3 làm quỳ hóa xanh.
- (d) NH_3 có tính bazơ yếu.

Số kết luận đúng là

- A. 4** **B. 3** **C. 2** **D. 1**

Câu 2: Cho phản ứng: $\text{FeO} + \text{HNO}_3 \rightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{NO} + \text{H}_2\text{O}$. Vai trò của HNO_3 trong phản ứng trên là

- A. Chất oxy hóa.** **B. Chất khử** **C. axit.** **D. bazơ.**

Câu 3: Nhiệt phân muối KNO_3 , sản phẩm thu được là

- A. K_2O , NO_2 , O_2 .** **B. K, NO_2 , O_2 .** **C. KNO_2 , O_2 .** **D. K, O_2 .**

Câu 4: Loại phân giúp cây xanh tốt, phát triển nhanh, cho nhiều hạt, củ, quả là

- A. phân kali.** **B. phân đạm.** **C. phân lân.** **D. phân vi lượng.**

Câu 5: Cho phản ứng: $\text{Cu} + \text{HNO}_3(\text{loãng}) \rightarrow \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + \text{NO} + \text{H}_2\text{O}$. Hệ số các chất của phản ứng lần lượt là

- A. 4, 8, 4, 2, 4.** **B. 2, 4, 2, 1, 2.** **C. 3, 8, 3, 2, 4.** **D. 4, 6, 5, 7, 4.**

Câu 6: Ứng dụng nào sau đây không phải photpho?

- A. Sản xuất axit H_3PO_4 .** **B. Sản xuất diêm, pháo hoa.**
C. Sản xuất đạn cháy, bom trong quân sự. **D. Bảo quản thực phẩm.**

Câu 7: Cho các kết luận sau:

- (a) P trắng và P đỏ là hai dạng thù hình của photpho.
- (b) P trắng phát quang trong bóng tối ở nhiệt độ thường.
- (c) Diêm lấy lửa được làm từ photpho trắng.
- (d) P hoạt động hóa học mạnh hơn N_2 .

Số kết luận đúng là

- A. 1 B. 2 C. 4 D. 3

Câu 8: Kim loại phản ứng được với dung dịch axit HNO_3 đặc, nguội là

- A. Au. B. Fe. C. Al. D. Zn.

Câu 9: Có ba lọ mất nhãn đựng ba dung dịch không màu: Na_3PO_4 , HCl, HNO_3 . Thuốc thử nhận biết ba dung dịch trên là

- A. Dung dịch $AgNO_3$. B. Quỳ tím.
C. Dung dịch $BaCl_2$. D. Dung dịch NaOH.

Câu 10: Cho 12 gam hỗn hợp gồm hai kim loại Fe, Cu tác dụng hoàn toàn với dung dịch axit HNO_3 đặc, nóng, dư. Sau phản ứng thu được 11,2 lít khí NO_2 duy nhất. Khối lượng muối thu được là

- A. 43 gam. B. 42 gam. C. 41 gam. D. 44 gam.

Câu 11: Tính chất hóa học của P là

- A. Tính axi hóa. B. Tính oxi hóa và khử.
C. tính axit. D. Tính Khử.

Câu 12: Thuốc thử dùng để nhận biết ion photphat (PO_4^{3-}) là

- A. dung dịch $BaCl_2$. B. Quỳ tím.
C. Dung dịch phenolphthalein. D. Dung dịch $AgNO_3$.

Câu 13: Khí Nitơ tương đối trơ ở t thường là do

- A. Nguyên tử Nitơ có độ âm điện lớn nhất trong nhóm Nitơ.
B. Trong phân tử N_2 , mỗi nguyên tử Nitơ còn một cặp e chưa tham gia tạo liên kết.
C. Trong nguyên tử N_2 có liên kết ba bền.

D. Nitơ có bán kính nguyên tử nhỏ.

Câu 14: Khi cho 0,1 mol H_3PO_4 tác dụng với 0,1 mol NaOH , ta thu được muối nào sau đây:

A. NaH_2PO_4 . B. Na_3PO_4 . C. NaH_2PO_4 và Na_3PO_4 . D. Na_2HPO_4 .

Câu 15: Cho 7,2 gam Mg tác dụng với axit HNO_3 loãng. Sau phản ứng thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất- ở đktc). Giá trị của V là

A. 2,24 lit. B. 3,36 lit. C. 4,48 lit. D. 6,72 lit.

Câu 16: Số oxi hóa của P trong P_2O_3 là

A. +2. B. +5. C. -3. D. +3.

Câu 17: Độ dinh dưỡng của **phân đạm** được tính bằng

A. %C. B. %N. C. %O. D. % N_2O .

Câu 18: Cho m gam muối FeSO_4 tác dụng hoàn toàn với dung dịch NH_3 dư (trong điều kiện không có oxi). Sau phản ứng thu được 9 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 16,1 gam. B. 11,6 gam. C. 25,2 gam. D. 15,2 gam.

Câu 19: Nhiệt phân NH_4NO_3 thu hơi nước và khí

A. N_2O . B. N_2 . C. NO. D. NO_2 .

Câu 20: Nhiệt phân hoàn toàn 8,5 gam NaNO_3 . Sau phản ứng thu được V lít khí (ở đktc). Giá trị của V là

A. 2,24 lít. B. 4,48 lít. C. 3,36 lít. D. 1,12 lít.

Câu 21: Cần dùng bao nhiêu lít khí nito để điều chế 17 gam NH_3 . Biết hiệu suất của phản ứng là 25% (thể tích khí ở điều kiện tiêu chuẩn). Thể tích khí nito là

A. 44,8 lít. B. 22,4 lít. C. 3,36 lít. D. 11,2 lít.

Câu 22: Vai trò của N_2 trong phản ứng: $\text{N}_2 + 3\text{H}_2 \rightarrow 2\text{NH}_3$

A. Bazo B. Axit C. Chất oxi hóa D. Chất khử

Câu 23: Cho phản ứng: $\text{P} + \text{HNO}_3(\text{đặc}) \xrightarrow{t^0} \text{A} (\text{hợp chất của P có số oxi hóa } +5) + \text{B} (\text{màu nâu}) + \text{H}_2\text{O}$. A, B lần lượt là

A. P_2O_5 , NO. B. H_3PO_4 , NO. C. H_3PO_4 , NO_2 . D. $\text{P}(\text{NO}_3)_5$, NO_2 .

Câu 24: Hiện tượng nào xảy ra sau đây, khi cho Cu tác dụng với axit HNO_3 đặc?

- A. Dung dịch có màu xanh, khí NO thoát ra.
B. Dung dịch có màu xanh, khí NO₂ thoát ra.
C. Cu không tan.
D. Dung dịch có màu xanh, khí H₂ thoát ra.

Câu 25: Dung dịch HNO₃ có môi trường

- A. Trung tính. B. Lưỡng tính. **C. Axit.** D. Bazo.

Câu 26: Công thức phân tử của phân đạm **ure** là

- A. NH₄Cl. **B. (NH₂)₂CO.** C. NH₄NO₃. D. NaNO₃.

Câu 27: Khi cho S nung nóng vào dung dịch HNO₃ đặc thu được sản phẩm trong đó có hợp chất X (S có số oxi hóa +6). X là

- A. SO₂. **B. H₂SO₄.** C. SO₃. D. H₂S.

Câu 28: Chất không nên bón cùng với phân đạm là

- A. Vôi.** B. Phân chuồng. C. Phân lân. D. Phân kali.

Câu 29: Chất phản ứng với dung dịch H₃PO₄ là

- A. NaOH.** B. NaNO₃. C. HCl. D. Cu.

Câu 30: Số oxi hóa có thể của N trong NH₃ là

- A. +5. **B. -3.** C. +2. D. +3.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN HÓA HỌC 11 – ĐỀ SỐ 1

1A 2A 3C 4B 5C 6D 7D 8D 9A 10A 11B 12D 13C 14A 15C 16D 17B 18D 19A 20D 21A
22C 23C 24B 25C 26B 27B 28A 29A 30B

2. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 2

SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

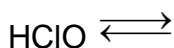
ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN: HÓA HỌC 11

NĂM HỌC 2019 - 2020

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. Viết phương trình điện li các chất sau



Câu 2. Hãy giải thích vì sao nước cất không dẫn điện còn nước tự nhiên như nước mưa, nước ao hồ sông suối ... đều dẫn được điện?

Câu 3. Hãy cho biết môi trường của các dung dịch có giá trị pH và $[\text{H}^+]$ như sau

Giá trị pH và $[\text{H}^+]$	Môi trường
pH = 9	
pH = 7	
$[\text{H}^+] = 10^{-4}$	
$[\text{H}^+] = 10^{-11}$	

Câu 4. Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào [] trong các phát biểu sau:

- Muối, axit, bazơ, nước là chất điện li còn đường ăn, rượu etylic, benzen, xăng, dầu không phải là chất điện li []
- Theo Areniut, một hợp chất trong thành phần phân tử có nhóm OH là bazơ []
- Dung dịch rất loãng của NaCl chỉ chứa các ion Na^+ và Cl^- , không chứa phân tử NaCl []
- Phản ứng trao đổi ion trong dung dịch các chất điện li chỉ xảy ra khi một số ion trong dung dịch kết hợp được với nhau làm giảm nồng độ ion của chúng. []

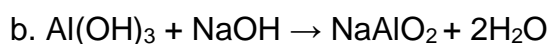
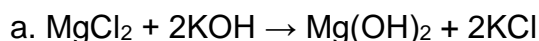
Câu 5. Tính pH của các dung dịch sau (giả sử sự điện li xảy ra hoàn toàn và tích số ion của nước bằng 10^{-14})

- Dung dịch HNO_3 0,0001M
- Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,0005M
- Trộn 200ml dung dịch H_2SO_4 0,05M với 300ml dung dịch NaOH 0,05M. Tính pH của dung dịch tạo thành

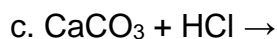
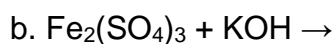
Câu 6. Tính nồng độ mol của dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ có $\text{pH} = 12$ (giả sử sự điện li xảy ra hoàn toàn và tích số ion của nước bằng 10^{-14})

Câu 7. Dung dịch A chứa NaHSO_4 , KHSO_4 ; dung dịch B chứa NaHCO_3 và $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$. Khi trộn dung dịch A với dung dịch B thì những ion nào tác dụng với nhau? viết các phương trình ion thu gọn đó.

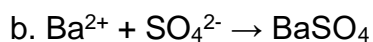
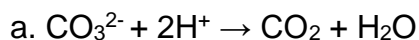
Câu 8. Viết phương trình ion thu gọn của các phản ứng sau



Câu 9. Viết phương trình phân tử và phương trình ion rút gọn của các phản ứng (nếu có) xảy ra trong dung dịch giữa các cặp chất sau.



Câu 10. Viết phương trình phân tử của các phương trình ion thu gọn sau:



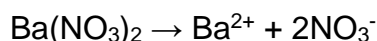
Câu 11. Nhỏ từ từ dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ lần lượt vào các dung dịch: NaCl , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , HNO_3 . Hãy mô tả các hiện tượng xảy ra (nếu có) vào bảng sau:

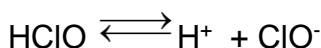
NaCl	$\text{Ca}(\text{OH})_2$	KHSO_4	HNO_3
.....
.....	.	.	.

Câu 12. Cho dung dịch X chứa 0,01 mol Na^+ , 0,02 mol K^+ , 0,005 mol SO_4^{2-} , x mol OH^- vào dung dịch Y chứa 0,015 mol Ba^{2+} , 0,01 mol K^+ , 0,03 mol Cl^- , y mol HCO_3^- thu được 1 lít dung dịch Z. Tính pH của dung dịch Z

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1 MÔN HÓA HỌC LỚP 11

Câu 1: Viết phương trình điện li các chất sau





Câu 2: Hãy giải thích vì sao nước cất không dẫn điện còn nước tự nhiên như nước mưa, nước ao hồ sông suối... đều dẫn được điện?

- Vì nước tự nhiên có chứa các cation kim loại và anion gốc axit chuyển động tự do

Câu 3: Hãy cho biết môi trường của các dung dịch có giá trị pH và $[\text{H}^+]$ như sau

Giá trị pH và $[\text{H}^+]$	Môi trường
pH = 9	Bazơ
pH = 7	Trung tính
$[\text{H}^+] = 10^{-4}$	Axit
$[\text{H}^+] = 10^{-11}$	Bazơ

Câu 4: Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào [] trong các phát biểu sau:

- Muối, axit, bazơ, nước là chất điện li còn đường ăn, rượu etylic, benzen, xăng, dầu không phải là chất điện li [Đ]
- Theo Areniut, một hợp chất trong thành phần phân tử có nhóm OH là bazơ. [S]
- Dung dịch rất loãng của NaCl chỉ chứa các ion Na^+ và Cl^- , không chứa phân tử NaCl. [Đ]
- Phản ứng trao đổi ion trong dung dịch các chất điện li chỉ xảy ra khi một số ion trong dung dịch kết hợp được với nhau làm giảm nồng độ ion của chúng. [Đ]

Câu 5:

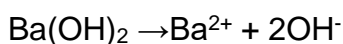
a. $[\text{H}^+] = 10^{-4} \rightarrow \text{pH} = 4$

b. $[\text{OH}^-] = 0,001 \rightarrow [\text{H}^+] = 10^{-11} \rightarrow \text{pH} = 11$

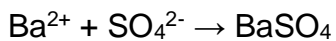
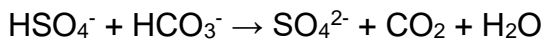
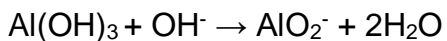
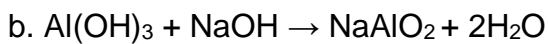
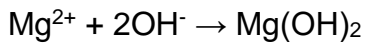
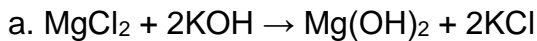
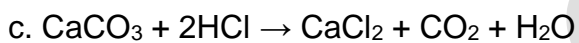
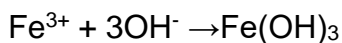
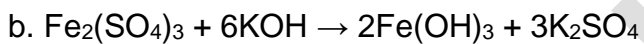
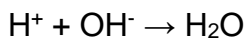
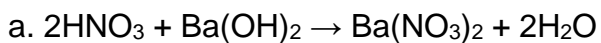
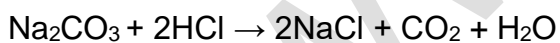
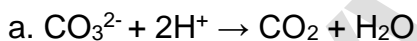
c. $n_{\text{H}^+} = 0,02 \text{ mol}$, $n_{\text{OH}^-} = 0,015 \text{ mol}$

$$\text{H}^+ + \text{OH}^- \rightarrow \text{H}_2\text{O} \rightarrow [\text{H}^+]_{\text{dư}} = 0,02 - 0,015/0,5 = 10^{-2} \rightarrow \text{pH} = 2$$

Câu 6:



$$[\text{H}^+] = 10^{-12} \Rightarrow [\text{OH}^-] = 10^{-2} = 0,01 \text{ mol}; [\text{Ba}^{2+}] = 0,005 \text{ mol}$$

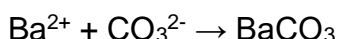
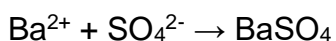
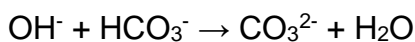
Câu 7:**Câu 8****Câu 9****Câu 10****Câu 11**

NaCl	Ca(OH) ₂	KHSO ₄	HNO ₃
Không hiện tượng	Kết tủa trắng	Kết tủa trắng và khí	Xuất hiện khí

Câu 12

$$x = 0,02$$

$$y = 0,01$$



$$[\text{OH}^-]_{\text{duy}} = 0,01 \rightarrow [\text{H}^+] = 10^{-12} = \text{pH} = 12$$

3. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 3

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG

TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN: HÓA HỌC LỚP 11

NĂM HỌC 2019 - 2020

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1: Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,0005M và dung dịch HNO_3 0,0001M có pH lần lượt là:

- A. 3,3 và 4
- B. 4 và 3
- C. 3 và 4
- D. 11 và 4

Câu 2: Câu nào sau đây đúng khi nói về sự điện li?

- A. Sự điện li là sự phân li một chất dưới tác dụng của dòng điện
- B. Sự điện li là sự phân li một chất thành ion khi tan trong nước hay ở trạng thái nóng chảy
- C. Sự điện li là sự hoà tan một chất vào nước thành dung dịch
- D. Sự điện li là quá trình oxi hoá - khử

Câu 3: Chất nào trong các chất sau là chất điện ly.

- A. Nước cất
- B. Benzen
- C. Axit clohidric
- D. Glucorơ

Câu 4: Nồng độ mol của anion trong dung dịch $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ 0,1M là:

- A. 0,3M

B. 0,1M

C. 0,4M

D. 0,2M

Câu 5: Các cặp chất nào sau đây có thể tồn tại trong một dung dịch?

A. CaF_2 và H_2SO_4 .

B. CH_3COOK và BaCl_2 .

C. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ và KOH .

D. CaCl_2 và Na_2SO_4 .

Câu 6: Hoà tan một axit vào nước kết quả là

A. $[\text{H}^+] < [\text{OH}^-]$

B. $[\text{H}^+] = [\text{OH}^-]$

C. $[\text{H}^+] > [\text{OH}^-]$

D. Không xác định được

Câu 7: phản ứng trao đổi ion trong dung dịch chất điện li chỉ xảy ra khi

A. Phản ứng tạo thành chất kết tủa

B. Phản ứng tạo thành chất khí

C. Phản ứng tạo thành chất điện li yếu

D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 8: Thể tích dung dịch HCl 0,3M cần dùng để trung hòa 100ml dung dịch hỗn hợp gồm NaOH 0,1M và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1M là:

A. 100ml

B. 150ml

C. 200ml

D. 300ml

Câu 9: Dung dịch muối nào sau đây là muối axit?

A. NH_4Cl .

B. NaHCO_3 .

C. CH_3COONa .

D. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$.

Câu 10: Dãy gồm các chất điện li yếu là

A. BaSO_4 , H_2S , NaCl , HCl

B. H_2S , H_3PO_4 , CH_3COOH , $\text{Cu}(\text{OH})_2$

C. CuSO_4 , NaCl , HCl , NaOH

D. Na_2SO_3 , NaOH , CaCl_2 , CH_3COOH

Câu 11: Dung dịch X gồm các ion: Na^+ (0,1 mol), Mg^{2+} (0,05 mol), Cl^- (0,06 mol), SO_4^{2-} . Số mol ion SO_4^{2-} là:

A. 0,05 mol

B. 0,1 mol.

C. 0,07mol

D. 0,06 mol

Câu 12: Hòa tan m (g) Na vào nước được 100ml dung dịch có pH = 13, m có giá trị là:

A. 0,23g

B. 0,46g

C. 1,25g

D. 2,3g

Câu 13: Theo Areniut hidroxit nào sau đây có tính lưỡng tính?

A. $\text{Al}(\text{OH})_3$.

B. $\text{Pb}(\text{OH})_2$.

C. $\text{Zn}(\text{OH})_2$

D. Cả A,B,C.

Câu 14: Một dung dịch có $[\text{OH}^-] = 2,5 \cdot 10^{-10}\text{M}$. Môi trường của dung dịch là:

A. Không xác định

B. Trung tính

C. Bazơ

D. Axit

Câu 15: Cần thêm bao nhiêu lít nước vào 10 lít dung dịch HCl có pH = 3 để được dung dịch HCl có pH = 4?

A. 10 lít

B. 90 lít

C. 100 lít

D. 9 lít

Câu 16: Dung dịch dẫn điện tốt nhất là

A. NaCl 0,001M

B. NaCl 0,02M

C. NaCl 0,002M

D. NaCl 0,01M

Câu 17: Trong dung dịch axit axetic (CH_3COOH) khi tan trong nước có những phần tử nào sau đây

A. CH_3COOH , H^+ , CH_3COO^- , H_2O

B. H^+ , CH_3COO^- , H_2O

C. CH_3COOH , CH_3COO^- , H^+

D. H^+ , CH_3COO

Câu 18: Theo thuyết A-rê-ni-ut, kết luận nào sau đây là đúng?

A. Một hợp chất trong thành phần phân tử có hiđrô là axit.

B. Một hợp chất có khả năng phân li ra cation H^+ trong nước là axit.

C. Một hợp chất trong thành phần phân tử có nhóm OH là bazơ.

D. Một bazơ không nhất thiết phải có nhóm OH trong thành phần phân tử.

Câu 19: Dãy gồm axit hai nấc là:

A. HCl, H_2SO_4 , H_2S , CH_3COOH

B. H_2CO_3 , H_2SO_3 , H_3PO_4 , HNO_3

C. H_2S , H_2SO_4 , H_2CO_3 , H_2SO_3

D. H_2SO_4 , H_2SO_3 , HF , HNO_3

Câu 20: Dung dịch chứa 0,063g HNO_3 trong 1lít có độ pH là:

A. 6,3

B. 3

C. 2,7

D. 3,13

Câu 21: Trộn V_1 lít dung dịch axit mạnh có pH = 5 với V_2 lít bazơ mạnh có pH = 9 theo tỷ lệ thể tích như thế nào để dung dịch thu được có pH = 8. Chọn các giá trị sau:

A. $V_1/V_2 = 9/11$

B. $V_1/V_2 = 1$

C. $V_1/V_2 = 2$

D. $V_1/V_2 = 11/9$

Câu 22: Những ion nào sau đây không cùng tồn tại được trong một dung dịch:

A. SO_4^{2-} , K^+ , Mg^{2+} , Cl^-

B. OH^- , Na^+ , Cl^- , Ba^{2+}

C. S^{2-} , K^+ , Cl^- , H^+

D. CO_3^{2-} , Na^+ , K^+ , NO_3^-

Câu 23: Một dung dịch chứa 0,02 mol Cu^{2+} , 0,03 mol K^+ , x mol Cl^- và y mol SO_4^{2-} . Tổng khối lượng các muối tan có trong dung dịch là 5,435 gam. Giá trị của x và y lần lượt là:

A. 0,01 và 0,03.

B. 0,02 và 0,05.

C. 0,05 và 0,01.

D. 0,03 và 0,02.

Câu 24: Một mẫu nước mưa có pH = 4,82. Vậy nồng độ H^+ trong dung dịch là

A. $1,0 \cdot 10^{-4}$ M

B. $1,0 \cdot 10^{-5}$ M

C. $>1,0 \cdot 10^{-5}$ M

D. $1,0 \cdot 10^{-14}$ M

Câu 25: Chọn phát biểu đúng trong số các phát biểu sau đây?

A. Giá trị pH tăng thì độ axit giảm.

B. Giá trị pH tăng thì độ axit tăng.

C. Dung dịch có pH < 7 làm quỳ tím hoá xanh.

D. Dung dịch có pH >7 làm quỳ tím hoá đỏ.

4. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 4

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG

TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN: HÓA HỌC 11

NĂM HỌC 2019 - 2020

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1: Người ta sản xuất khí nitơ trong công nghiệp bằng cách nào sau đây:

A. Dùng photpho để đốt cháy hết oxi không khí

B. Cho không khí đi qua bột đồng nung nóng

C. Nhiệt phân dung dịch NH_4NO_2 bão hoà

D. Chưng cất phân đoạn không khí lỏng

Câu 2: Công thức của phân urê là:

A. NH_2CO

B. $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$

C. $(\text{NH}_2)_2\text{CO}_3$

D. $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$

Câu 3: Thành phần của phân amophot gồm:

A. $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$ và $(\text{NH}_4)_3\text{PO}_4$

B. $(\text{NH}_4)_3\text{PO}_4$ và $\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$

C. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ và $\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$

D. $\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$ và $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$

Câu 4: Có thể dùng bình đựng HNO_3 đặc, nguội bằng kim loại nào:

A. Sắt, nhôm

B. Đồng, bạc

C. Đồng, chì

D. Đồng, kẽm

Câu 5: Hòa tan hết m(g) Al trong dd HNO_3 , thu được hỗn hợp khí (đktc) gồm NO và NO_2 có

thể tích là 8,96 lít và có tỷ khối đối với hiđrô là 16,75. Giá trị của m là:

- A. 9,252 B. 2,7g C. 8,1g D. 9,225g

Câu 6: Công thức hoá học của supephotphat kép là:

- A. $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$ B. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ C. CaHPO_4 D. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ và CaSO_4

Câu 7: Độ dinh dưỡng của phân lân được đánh giá bằng hàm lượng % của?

- A. PO_4^{3-} B. H_3PO_4 C. P_2O_5 D. P

Câu 8: Để nhận biết ion NO_3^- người ta thường dùng Cu và dung dịch H_2SO_4 loãng và đun nóng, bởi vì:

- A. Tạo ra khí có màu nâu
B. Tạo ra dung dịch có màu vàng
C. Tạo ra kết tủa có màu vàng
D. Tạo ra khí không màu hoá nâu trong không khí

Câu 9: Hiện tượng xảy ra khi cho giấy quỳ ẩm vào bình đựng khí amoniac là:

- A. Giấy quỳ chuyển sang màu đỏ B. Giấy quỳ chuyển sang màu xanh
C. Giấy quỳ mất màu D. Giấy quỳ không chuyển màu

Câu 10: Trong thí nghiệm đồng tác dụng với dung dịch HNO_3 đặc để tránh khí độc NO_2 bay ra người ta thường nút ống nghiệm bằng bông có tẩm dung dịch nào sau đây:

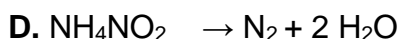
- A. dd NaCl B. dd NaOH C. dd HCl D. dd NaNO_3

Câu 11: Thêm 0,15 mol KOH vào dung dịch chứa 0,1 mol H_3PO_4 . Sau phản ứng, trong dung dịch có muối nào:

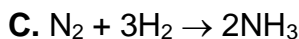
- A. KH_2PO_4 B. KH_2PO_4 ; K_2HPO_4 và K_3PO_4
C. K_2HPO_4 và K_3PO_4 D. KH_2PO_4 và K_2HPO_4

Câu 12: Sản phẩm của phản ứng nhiệt phân nào dưới đây là không đúng:

- A. $\text{NH}_4\text{Cl} \rightarrow \text{NH}_3 + \text{HCl}$
B. $\text{NH}_4\text{HCO}_3 \rightarrow \text{NH}_3 + \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2 \uparrow$
C. $\text{NH}_4\text{NO}_3 \rightarrow \text{NH}_3 + \text{HNO}_3$



Câu 13: Trong phản ứng nào sau đây, nitơ thể hiện tính khử:



Câu 14: Hòa tan 32 g hỗn hợp Cu và CuO trong dung dịch HNO_3 1M (dư), thoát ra 6,72 lít khí NO (đktc). Khối lượng CuO trong hỗn hợp ban đầu là:

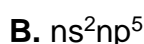
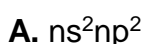
A. 2,52g

B. 3,2g

C. 1,2g

D. 1,88g

Câu 15: Chọn cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tố nhóm VA:



Câu 16: Cần lấy bao nhiêu lít khí N_2 và H_2 để điều chế được 67,2 lít khí amoniac? Biết rằng thể tích của các khí được đo trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất và hiệu suất của phản ứng là 25% :

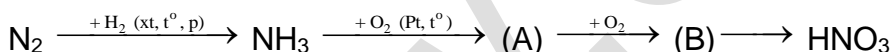
A. 33,6 lít N_2 và 100,8 lít H_2

B. 8,4 lít N_2 và 25,2 lít H_2

C. 268,8 lít N_2 và 806,4 lít H_2

D. 134,4 lít N_2 và 403,2 lít H_2

Câu 17: Xác định chất (A) và (B) trong chuỗi sau:



A. (A) là N_2 , (B) là NO_2

B. (A) là NO, (B) là NO_2

C. (A) là NO, (B) là N_2O_5

D. (A) là N_2 , (B) là N_2O_5

Câu 18: Khi nhiệt phân AgNO_3 thu được những sản phẩm nào:

A. Ag, NO_2 , O_2

B. Ag_2O , NO, O_2

C. Ag, NO, O_2

D. Ag_2O , NO_2 , O_2

Câu 19: Chọn phát biểu đúng:

A. Photpho trắng được bảo quản bằng cách ngâm trong nước

B. Photpho trắng tan trong nước không độc

C. photpho trắng hoạt động hoá học kém hơn photpho đỏ

D. Photpho đỏ phát quang màu lục nhạt trong bóng tối

Câu 20: Magie photphua có công thức là:

- A. Mg_3P_2** **B. Mg_2P_3** **C. $Mg_2P_2O_7$** **D. $Mg_3(PO_4)_3$**

Câu 21: Để điều chế HNO_3 trong phòng thí nghiệm, các hoá chất cần sử dụng là:

- A. Dung dịch $NaNO_3$ và dung dịch H_2SO_4 đặc
B. $NaNO_3$ tinh thể và dung dịch HCl đặc
C. $NaNO_3$ tinh thể và dung dịch H_2SO_4 đặc
D. Dung dịch $NaNO_3$ và dung dịch HCl đặc

Câu 22: Cho $m(g)$ Al tan hoàn toàn trong dd HNO_3 thấy tạo ra 11,2lit (đktc) hỗn hợp 3 khí NO , N_2O , N_2 với tỷ lệ mol tương ứng là 1:2:2. Giá trị của m là:

- A. 16,47g** **B. 23g** **C. 35,1g** **D. 12,73g**

Câu 23: Từ 34 tấn NH_3 sản xuất được 160 tấn dung dịch HNO_3 63%. Hiệu suất của phản ứng điều chế HNO_3 là:

- A. 85%** **B. 80%** **C. 50%** **D. 60%**

Câu 24: Hoà tan hoàn toàn 19,2 gam một kim loại M trong dung dịch HNO_3 ta thu được 4,48 lít NO (đktc). Kim loại M là:

- A. $Zn = 65$** **B. $Fe = 56$** **C. $Mg = 24$** **D. $Cu = 64$.**

Câu 25: Phản ứng của NH_3 với Cl_2 tạo ra "khói trắng", chất này có công thức hoá học là:

- A. NH_4Cl** **B. HCl** **C. NH_3** **D. N_2**

Câu 26: Cho 44g $NaOH$ vào dung dịch chứa 39,2g H_3PO_4 . Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, đem cô dung dịch thu được đến cạn khô. Hỏi những muối nào được tạo nên và khối lượng muối khan thu được là bao nhiêu:

- A. NaH_2PO_4 và 49,2g ; Na_2HPO_4 và 14,2g** **B. Na_3PO_4 và 50,0g**
C. Na_2HPO_4 và 14,2g ; Na_3PO_4 và 49,2g **D. Na_2HPO_4 và 15,0g**

Câu 27: Cho các dung dịch : $(NH_4)_2SO_4$; NH_4Cl ; $Cu(NO_3)_2$. Để phân biệt các dung dịch trên chỉ dùng 1 hóa chất nào sau:

- A. Dung dịch $NaCl$** **B. Dung dịch $Ba(OH)_2$**
C. Dung dịch KOH **D. Dung dịch NH_3**

Câu 28: Ở điều kiện thường, P hoạt động hóa học như thế nào so với N_2 :

A. P yếu hơn **B. P mạnh hơn** C. Bằng nhau D. Không xác định được

Câu 29: Ở 3000°C (hoặc có tia lửa điện) N_2 hoá hợp với O_2 theo phương trình phản ứng nào sau đây:

- A. $N_2 + 2O_2 \rightleftharpoons 2NO_2$ B. $4N_2 + O_2 \rightleftharpoons 2N_2O$
C. $N_2 + O_2 \rightleftharpoons 2NO$ D. $4N_2 + 3O_2 \rightleftharpoons 2N_2O$

Câu 30: Cho 29 gam hỗn hợp gồm Al, Cu và Ag tác dụng vừa đủ với 950 ml dung dịch HNO_3 1,5M, thu được dung dịch chứa m gam muối và 5,6 lít hỗn hợp khí X (đktc) gồm NO và N_2O . Tỷ khối của X so với H_2 là 16,4. Giá trị của m là:

- A. 98,20** B. 97,20 C. 98,75 D. 91,00

5. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 5

TRƯỜNG THPT MARIE CURIE

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I

MÔN HÓA HỌC – KHỐI 11

NĂM HỌC 2019-2020

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1: (2 điểm)

Hoàn thành các phương trình phản ứng hóa học sau đây (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có):

- a) Photpho + Kim loại Mg \rightarrow ...
 b) Cacbon + H_2SO_4 đậm đặc \rightarrow ...
 c) Si + .?. + .?. \rightarrow Na_2SiO_3 + .?.
 d) Canxi photphat + .?. \rightarrow Axit photphoric + .?.

Câu 2: Thực hiện chuỗi biến hóa sau đây, ghi rõ điều kiện phản ứng (nếu có)

Đồng nitrat \rightarrow Nitơ dioxid \rightarrow Axit nitric \rightarrow Amoni nitrat \rightarrow Natri nitrat

Câu 3: Viết phương trình phản ứng hóa học dưới dạng phân tử và dạng ion thu gọn khi cho các cặp dung dịch sau đây phản ứng

- a) Canxi hidroxit + Canxi hidrophotphat \rightarrow ...
 b) Bari nitrat + Kali cacbonat \rightarrow ...

Câu 4: Hãy xác định công thức hóa học của muối (A) với dữ kiện sau đây:

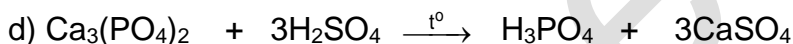
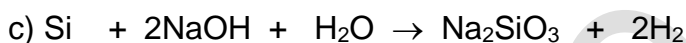
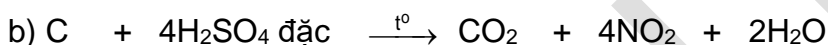
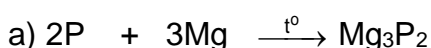
Cho dung dịch muối (A) tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ thì thu được chất kết tủa màu trắng, một chất khí có thể làm xanh giấy quỳ tím ẩm. Viết phương trình phản ứng hóa học minh họa.

Câu 5: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp kim loại Mg và Al vào dung dịch HNO_3 thì thu được dung dịch (A) và 1,8816 lít khí NO_2 (ở đktc và là sản phẩm khử duy nhất). Cô cạn dung dịch (A) thu được 6,108 gam hỗn hợp muối khan. Tìm giá trị m.

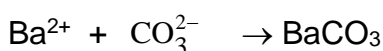
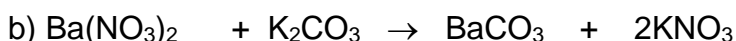
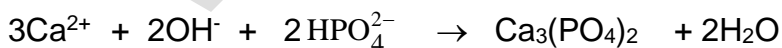
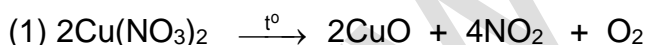
Câu 6: Cho dung dịch 4,9 gam H_3PO_4 vào dung dịch chứa 0,5 gam NaOH . Viết phương trình phản ứng xảy ra và tính khối lượng muối tạo thành.

ĐÁP ÁN KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I

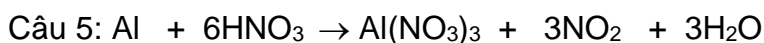
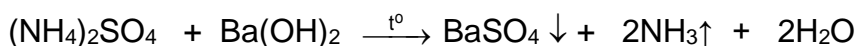
Câu 1:



Câu 2:



Câu 4: Có thể chọn một trong các muối $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, ...



Số mol $\text{NO}_2 = 1,8816 : 22,4 = 0,084$ (mol)

Áp dụng ĐLBTKL:

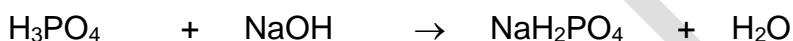
$$m + 0,084 \cdot 2 \cdot 63 = 6,108 + 0,084 \cdot 46 + 0,084 \cdot 18$$

$$m = 0,9 \text{ (gam)}$$

Câu 6: số mol $\text{H}_3\text{PO}_4 = 4,9 : 98 = 0,05$ (mol)

Số mol $\text{NaOH} = 0,5 : 40 = 0,0125$ (mol)

$$\frac{n_{\text{OH}^-}}{n_{\text{H}_3\text{PO}_4}} = \frac{0,0125}{0,05} = 0,25 < 1 \Rightarrow \text{dư } \text{H}_3\text{PO}_4 \text{ chỉ thu được muối } \text{NaH}_2\text{PO}_4$$



$$0,0125 \text{ mol} \quad 0,0125 \text{ mol} \quad 0,0125 \text{ mol}$$

Khối lượng muối: $0,0125 \times 120 = 1,5$ (gam)

6. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 6

SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 11

NĂM HỌC 2019 - 2020

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Phần trắc nghiệm (6,0 điểm)

Câu 1: Những ion nào sau đây cùng tồn tại trong một dung dịch:

- A. Mg^{2+} , SO_4^{2-} , Cl^- , Ba^{2+} B. SO_4^{2-} , Ba^{2+} , Fe^{2+} , Al^{3+}
 C. Cl^- , NO_3^- , Ba^{2+} , Fe^{2+} D. NO_3^- , OH^- , Ba^{2+} , Fe^{3+}

Câu 2: Thành phần chính của cát là:

- A. Si B. Na_2SiO_3 C. H_2SiO_3 D. SiO_2

Câu 10: Cho dung dịch X gồm HNO_3 và HCl có $\text{pH} = 1$. Trộn V ml dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ $0,025\text{M}$ với 100 ml dung dịch X thu được dung dịch Y có $\text{pH} = 2$. Giá trị V là:

- A. 150. B. 175. C. 250. D. 125.

Câu 11: Tiến hành hai thí nghiệm. Thí nghiệm A: cho từ từ từng giọt HCl cho đến dư vào dung dịch Na_2CO_3 và khuấy đều. Thí nghiệm B: cho từ từ từng giọt Na_2CO_3 cho đến dư vào dung dịch HCl và khuấy đều. Kết luận rút ra là:

- A. Cả hai thí nghiệm đều không có khí.
B. Cả hai thí nghiệm đều có khí bay ra ngay từ ban đầu.
C. Thí nghiệm A lúc đầu chưa có khí sau đó có khí, thí nghiệm B có khí ngay lập tức.
D. Thí nghiệm A không có khí bay ra, thí nghiệm B có khí bay ra ngay lập tức.

Câu 12: Chỉ ra mệnh đề nào *không* đúng:

- A. Phot pho tạo được nhiều oxit hơn nitơ
B. Ở điều kiện thường, photpho hoạt động hơn nitơ.
C. Photpho trắng hoạt động hơn photpho đỏ
D. axit photphoric là một axit trung bình.

Câu 13: Hiện tượng trái đất nóng lên do hiệu ứng nhà kính chủ yếu là do chất nào sau đây?

- A. Khí cacbonic B. khí cacbon monooxit
C. Khí clo D. khí hidroclorua

Câu 14: Chất nào sau đây *không* phân li ra ion khi hòa tan vào nước?

- A. ZnSO_4 B. HClO C. KOH D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$

Câu 15: Chất thuộc loại hợp chất hữu cơ là:

- A. CO_2 B. CH_4 C. CO D. Na_2CO_3

Câu 16: Tổng số hệ số cân bằng của phản ứng $\text{Mg} + \text{HNO}_3 \longrightarrow \text{Mg}(\text{NO}_3)_2 + \text{N}_2 + \text{H}_2\text{O}$ là:

- A. 29 B. 25 C. 28 D. 32

Câu 17: A là một hợp chất hữu cơ chứa 4 nguyên tố C, H, O, N. Thành phần phần trăm khối lượng nguyên tố C, H, N lần lượt là: 34,29%; 6,67%; 13,33%. Công thức đơn giản nhất của A là:

- A. $C_8H_5N_2O_4$ B. $C_3H_7NO_3$ C. $C_6H_5NO_2$ D. $C_9H_{19}N_3O_6$

Câu 18: Cho phản ứng $NaOH + HCl \rightarrow NaCl + H_2O$. Phản ứng hóa học nào sau đây có cùng phương trình ion thu gọn với phản ứng trên?

- A. $2KOH + FeCl_2 \rightarrow Fe(OH)_2 + 2KCl$.
B. $KOH + HNO_3 \rightarrow KNO_3 + H_2O$.
C. $NaOH + NH_4Cl \rightarrow NaCl + NH_3 + H_2O$.
D. $NaOH + NaHCO_3 \rightarrow Na_2CO_3 + H_2O$.

Câu 19: Dung dịch KOH 0,1M có pH là:

- A. pH = 2 B. pH = 1 C. pH = 12 D. pH = 13

Câu 20: Nung 100 gam hỗn hợp gồm Na_2CO_3 và $NaHCO_3$ cho đến khi khối lượng hỗn hợp không đổi được 69 gam chất rắn. Phần trăm theo khối lượng của mỗi chất lần lượt là:

- A. 74% và 26% B. 16% và 84% C. 84% và 16% D. 26% và 74%

II. Phần tự luận:

Câu 1:

a) (1,5 điểm): Trình bày phương pháp hoá học phân biệt các dung dịch đựng trong các lọ mất nhãn riêng biệt sau (Viết các phương trình hóa học xảy ra nếu có). NH_4NO_3 , $Ba(NO_3)_2$, Na_3PO_4

b) (1,0 điểm): Cho các chất có công thức cấu tạo thu gọn sau: $CH_3-CO-CH_3$ (1);
 CH_3-CHO (2); CH_3-CH_2-CHO (3); $HCHO$ (4)

Hãy cho biết các chất nào là đồng đẳng của nhau, đồng phân của nhau, giải thích?

Câu 2: (1,5 điểm): Hòa tan 14,4 gam hỗn hợp Cu và CuO trong dung dịch HNO_3 đặc, dư thấy thoát ra 4,48 lít khí NO_2 (là sản phẩm khử duy nhất ở đktc). Tính khối lượng của mỗi chất trong hỗn hợp đầu?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 MÔN HÓA 11

I. Phần trắc nghiệm

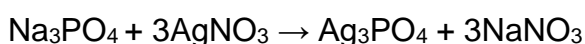
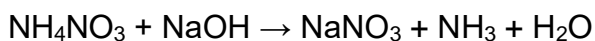
1C 2D 3C 4A 5C 6D 7C 8D 9B 10A 11C 12A 13A 14D 15B 16A 17B 18B 19D 20B

II. Phần tự luận

Câu 1: Lấy mỗi chất một ít ra các ống nghiệm tương ứng có đánh số từ 1 đến 4

	NH_4NO_3	$\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$	Na_3PO_4
dd NaOH	Khí (NH_3)	-	-
dd AgNO_3		-	Kết tủa vàng

Phương trình phản ứng:



Câu 2:

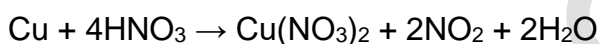
(1), (3) là đồng phân

vì có cùng công thức phân tử.

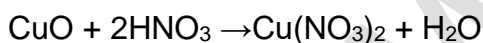
(2), (3) và (4) là đồng đẳng

vì có công thức cấu tạo tương tự nhau nhưng hơn kém nhau 1 hay nhiều nhóm CH_2

Câu 3: $n_{\text{NO}_2} = 0,2 \text{ mol}$. Gọi $n_{\text{Cu}} = x$, $n_{\text{CuO}} = y$ (mol)



$$x \qquad \qquad \qquad 2x \text{ mol}$$



$$\text{Có hệ phương trình: } 64x + 80y = 14,4$$

$$x = 0,1 \text{ mol}$$

$$2x = 0,2$$

$$y = 0,1 \text{ mol}$$

$$m_{\text{Cu}} = 64 \cdot 0,1 = 6,4\text{g}; m_{\text{CuO}} = 8,0\text{g}$$

7. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 7

SỞ GD&ĐT AN GIANG

TRƯỜNG THPT NGUYỄN

TRUNG TRỰC

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN: HÓA HỌC – LỚP 11

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Một dung dịch chứa 0,2 mol Na^+ ; 0,1 mol Mg^{2+} ; 0,05 mol Ca^{2+} ; 0,15 mol HCO_3^- ; và x mol Cl^- . Vậy x có giá trị là:

- A. 0,3 mol B. 0,20 mol C. 0,35 mol D. 0,15 mol

Câu 2: Theo Areniut phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Chất có chứa nhóm OH là hidroxit.
B. Chất có khả năng phân li ra ion H^+ trong nước là axit.
C. Chất có chứa hiđrô trong phân tử là axit.
D. Chất có chứa 2 nhóm OH là hiđrôxit lưỡng tính.

Câu 3: Một dd X có chứa các ion: Na^+ , Ba^{2+} , Ca^{2+} , Mg^{2+} , H^+ , Cl^- . Muốn tách được nhiều cation ra khỏi dd mà không đưa thêm ion lạ vào dd, ta có thể cho dd X tác dụng với dung dịch nào dưới đây?

- A. K_2CO_3 vừa đủ. B. NaOH vừa đủ. C. Na_2CO_3 vừa đủ. D. Na_2SO_4 vừa đủ

Câu 4: Chọn câu **sai**?

- A. Trong một dung dịch, tích số ion của nước là một hằng số ở nhiệt độ xác định.
B. Dung dịch có pH càng lớn thì độ axit càng yếu.
C. Dung dịch có pH càng lớn thì độ bazơ càng yếu.
D. Dung dịch axit có pH < 7.

Câu 5: Trong dung dịch H_2S (dung môi là nước) có thể chứa

- A. H_2S , H^+ , HS^- , S^{2-} . B. H_2S , H^+ , HS^- . C. H^+ , HS^- . D. H^+ và S^{2-} .

Câu 6: Phương trình ion rút gọn của phản ứng cho biết:

- A. Những ion nào tồn tại trong dung dịch
B. Bản chất của phản ứng trong dung dịch các chất điện li.
C. Nồng độ những ion nào trong dung dịch lớn nhất.
D. Không tồn tại phân tử trong dd các chất điện li.

Câu 7: Cho 10,0 ml dung dịch NaOH 0,1M vào cốc đựng 15,0 ml dung dịch HCl 0,1M. Dung dịch tạo thành sẽ làm cho giấy quỳ tím chuyển sang:

- A. Không màu B. Màu xanh C. Màu đỏ D. Màu tím

Câu 8: Trong các chất sau, chất nào là chất điện li yếu?

- A. H₂O. B. HCl. C. NaOH. D. NaCl.

Câu 9: Nồng độ mol của anion (NO₃⁻) trong dung dịch Ba(NO₃)₂ 0,1M là

- A. 0,2M B. 0,3M C. 0,1M D. 0,4M

Câu 10: Trong dung dịch HCl 0,01M, tích số ion của nước là

- A. [H⁺].[OH⁻] > 1,0.10⁻¹⁴ B. [H⁺].[OH⁻] = 1,0.10⁻¹⁴

- C. Không xác định được D. [H⁺].[OH⁻] < 1,0.10⁻¹⁴

Câu 11: Có mấy muối axit trong số các muối sau: NaHSO₄, CH₃COOK, NH₄Cl, NaHCO₃, NH₄HCO₃, KCl, Na₂HPO₃.

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 12: Cho dãy các chất: NaOH, Sn(OH)₂, Pb(OH)₂, Al(OH)₃, Zn(OH)₂. Số chất trong dãy có tính chất lưỡng tính là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 13: Công thức hóa học của chất mà khi điện li tạo ra ion Fe³⁺ và NO₃⁻ là

- A. Fe(NO₃)₂. B. Fe(NO₃)₃. C. Fe(NO₂)₂. D. Fe(NO₂)₃.

Câu 14: Cần pha loãng dd NaOH có pH = 12 bao nhiêu lần để thu được dd NaOH có Ph = 11?

- A. 5 lần B. 15 lần C. 100 lần D. 10 lần

Câu 15: Khi hòa tan trong nước, chất nào sau đây làm cho quỳ tím chuyển màu xanh?

- A. Na₂CO₃ B. NaCl C. NH₄Cl D. FeCl₃

Câu 16: Dung dịch X gồm 0,1 mol H⁺; z mol Al³⁺, t mol NO₃⁻ và 0,02 mol SO₄²⁻. Cho 120 ml dd Y gồm KOH 1,2 M và Ba(OH)₂ 0,1 M vào X, sau khi các phản ứng thúc, thu được 3,732 gam kết tủa. Giá trị của z, t lần lượt là:

- A. 0,020 và 0,012 B. 0,020 và 0,120

C. 0,012 và 0,096 D. 0,120 và 0,020

Câu 17: Một dung dịch có pH = 4,00, đánh giá nào dưới đây **đúng**?

A. $[H^+] = 1,0 \cdot 10^{-3} M$ B. $[H^+] = 1,0 \cdot 10^{-4} M$

C. $[H^+] = 4,0 \cdot 10^{-3} M$ D. $[H^+] = 2,0 \cdot 10^{-4} M$

Câu 18: Dung dịch nào dưới đây dẫn điện tốt nhất?

A. NaI 0,002M B. NaI 0,001M C. NaI 0,1M D. NaI 0,01M

Câu 19: Dung dịch axit mạnh HNO_3 0,01 M. Đánh giá nào sau đây **không đúng**?

A. $[H^+] > [NO_3^-]$ B. $[H^+] = [NO_3^-]$ C. $[OH^-] = 10^{-12}$ D. pH = 2

Câu 20: Khi trộn các dung dịch sau với nhau, trường hợp nào sau đây **không** có phản ứng xảy ra?

A. K_2CO_3 và NaCl B. Na_2CO_3 và $Ca(NO_3)_2$

C. $FeSO_4$ và NaOH D. $NaHCO_3$ và HCl

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Viết phương trình phân tử, phương trình ion và phương trình ion thu gọn của các phản ứng sau:

a/ $AlCl_3 + NaOH \rightarrow$

b/ $CaCO_3 + HCl \rightarrow$

Câu 2: (2,5 điểm) Hoà tan 2,94 gam H_2SO_4 vào nước để được 600 ml dung dịch (A).

a) Tính nồng độ mol của các ion có trong dung dịch (A) và tính pH của dung dịch (A)?

b) Tính thể tích dung dịch NaOH 1M đủ để trung hoà hoàn toàn dung dịch (A)?

c) Tính khối lượng kết tủa thu được khi cho dung dịch (A) tác dụng hết với dung dịch $BaCl_2$?

Câu 3: (1,0 điểm) Trộn 100 ml dung dịch có pH = 1 gồm HCl và HNO_3 với 100 ml dung dịch gồm NaOH có nồng độ a (mol/l) thu được 200 ml dung dịch có pH = 12. Hãy tính giá trị a (mol/l)?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1 MÔN HÓA 11

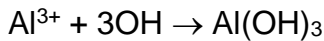
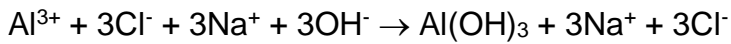
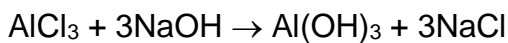
I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm)

1C 2B 3C 4C 5A 6B 7C 8A 9A 10B 11B 12B 13B 14D 15A 16B 17B 18C 19A 20A

II. Tự luận: (5,0 điểm)

Câu 1:

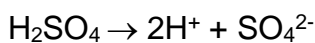
a) Mỗi phương trình đúng được 0,25 điểm



b) $\text{CaCO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 \uparrow + \text{H}_2\text{O}$

**Câu 2:**

a) $n_{\text{H}_2\text{SO}_4} = 0,03 \text{ mol}$



0,03 mol 0,06 mol 0,03mol

$$[\text{H}^+] = 0,06/0,6 = 0,1 \text{ M}$$

$$\rightarrow \text{pH} = 1$$

$$[\text{SO}_4^{2-}] = 0,05\text{M}$$

b) $\text{H}_2\text{SO}_4 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$

0,03 mol 0,06 mol

V của dd NaOH = 0,06 lít

c) $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{BaCl}_2 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{HCl}$

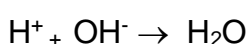
0,03 mol 0,03 mol

Khối lượng của $\text{BaSO}_4 = 6,99 \text{ gam}$

Câu 3: $n_{\text{H}^+} = 0,01\text{mol}$

$n_{\text{OH}^-} = 0,1.a$

$\text{pH} = 12 \rightarrow [\text{OH}^-]_{\text{dư}} = 0,01\text{M} \rightarrow \text{số mol OH}^- \text{ dư} = 0,01. 0,2 = 0,002 \text{ mol}$



0,01mol 0,01mol

Ta có: $0,002 = 0,1a - 0,01$

$a = 0,12M$

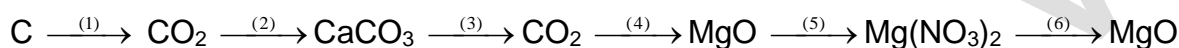
8. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 8

SỞ GD&ĐT TP.HCM
TRƯỜNG THPT ĐÔNG DU

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1
MÔN: HÓA HỌC LỚP 11
NĂM HỌC 2019 - 2020

Thời gian làm bài 45 phút

Câu 1 (3,0 điểm): Hoàn thành chuỗi phản ứng sau:



Câu 2 (2,0 điểm): Bằng phương pháp hóa học hãy phân biệt các dung dịch sau: NH_4Cl , K_3PO_4 , $Ba(NO_3)_2$, Na_2CO_3

Câu 3 (1,5 điểm): Đốt cháy hoàn toàn 6g hợp chất hữu cơ X thì thu được 4,48 lít khí CO_2 (đktc) và 3,6g nước. Xác định CTPT của X, biết rằng tỉ khối hơi của X so với oxi là 1,875

Câu 4 (2,5 điểm): Cho 6,3 g hỗn hợp hai kim loại nhôm và magie phản ứng vừa đủ với dung dịch HNO_3 đặc, nóng thì thu được 13,44 lít khí màu nâu (duy nhất, đktc)

- Tính thành phần phần trăm theo khối lượng của mỗi kim loại trong hỗn hợp
- Cho dung dịch $NaOH$ 2M vào dung dịch sau phản ứng. Tính thể tích dung dịch $NaOH$ cần dùng để thu được lượng kết tủa nhỏ nhất

Câu 5 (1,0 điểm): Viết phương trình phản ứng chứng minh:

- Carbon có tính oxi hóa (1 phản ứng)
- Photpho có tính khử (1 phản ứng)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN HÓA 11

Câu 1: Viết đúng mỗi pt

Câu 2: Dùng dd HCl nhận CO_3^{2-}

Dùng dd $NaOH$ nhận NH_4^+

Dùng dd $AgNO_3$ nhận PO_4^{3-}

Viết đúng các pứ

Câu 3: Tính đúng $m_C = 2,4g$

Tính đúng $m_H = 0,4g$

Tính đúng $m_O = 3,2g$

Tính đúng $M_X = 60$

Lập được CTPT của X là $C_2H_4O_2$

Câu 4: a) Viết đúng 2 pt (hoặc viết đúng quá trình nhường nhận e)

Tính đúng số mol $NO_2 = 0,6$

Lập được hpt

Giải đúng $n_{Al} = 0,1$; $n_{Mg} = 0,15$

Tính đúng $\%Al = 42,86\%$ và $\%Mg = 57,14\%$

b) Lập luận và viết đúng 3 pt

Tính đúng $V_{dd NaOH} = 0,35$ lít

Câu 5: Viết đúng ptpứ ở mỗi câu

Xác định đúng số oxi ở mỗi câu

9. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 9

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUẢNG NAM

KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I

MÔN HÓA HỌC 11

NĂM HỌC 2019 - 2020

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 điểm)

Câu 1. Silic đioxit (SiO_2) tan được trong dung dịch của chất nào sau đây?

A. HF.

B. HNO_3 đặc.

C. H_2SO_4 đặc.

D. H_3PO_4 .

Câu 2. Một loại nước thải công nghiệp có pH = 9. Nước thải đó có môi trường

A. bazơ.

B. lưỡng tính.

C. axit.

D. trung tính.

Câu 3. Hoà tan hoàn toàn m gam Al vào dung dịch HNO_3 loãng, thu được dung dịch Y chứa $8m$ gam muối và x mol một chất khí duy nhất là N_2O . Cho dung dịch NaOH dư vào Y, kết thúc thí nghiệm có $64,6$ gam NaOH đã phản ứng. Giá trị của x **gần nhất** với

- A. 0,148. B. 0,136. C. 0,122. D. 0,082.

Câu 4. Khí X không màu, không mùi, rất độc nhưng được dùng trong luyện kim để khử các oxit kim loại. Khí X là

- A. CO. B. H_2 . C. CO_2 . D. NH_3 .

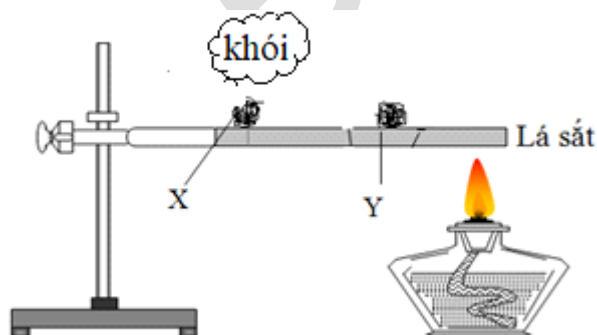
Câu 5. Nhỏ từ từ dung dịch HNO_3 đến dư vào dung dịch NH_4HCO_3 , hiện tượng xảy ra là

- A. xuất hiện kết tủa trắng. B. thoát ra khí không màu.
C. thoát ra khí mùi khai. D. có kết tủa và sủi bọt khí.

Câu 6. Khi thực hiện phản ứng giữa dung dịch HNO_3 đặc với kim loại sinh ra khí NO_2 độc hại. Để hạn chế khí NO_2 thoát ra gây ô nhiễm môi trường, ta phải đặt ống nghiệm bằng bông tẩm

- A. nước cất. B. nước vôi. C. giấm ăn. D. cồn y tế.

Câu 7. Thực hiện thí nghiệm với hai mẫu photpho X và Y như hình vẽ:



Mẫu X là

- A. photpho trắng. B. photpho đỏ. C. photpho đen. D. photpho tím.

Câu 8. Phân urê cung cấp cho cây trồng nguyên tố dinh dưỡng gì?

- A. Nitơ. B. Photpho. C. Kali. D. Canxi.

Câu 9. Ngày nay, amoniac lỏng được dùng làm chất sinh hàn trong thiết bị lạnh. Amoniaccó công thức hóa học là

- A. NH_2 . B. N_2H_4 . C. NH_4 . D. NH_3 .

Câu 10. Chất nào sau đây là chất điện li yếu?

- A. H_3PO_4 . B. HNO_3 . C. KOH . D. Na_2CO_3 .

Câu 11. Trong công nghiệp, axit nitric được tổng hợp từ amoniac qua ba giai đoạn với hiệu suất của toàn bộ quá trình đạt 96%. Theo quá trình trên, từ 2 tấn amoniac người ta thu được m tấn dung dịch HNO_3 60%. Giá trị của m là

- A. 7,41. B. 11,86. C. 12,35. D. 12,87.

Câu 12. Dung dịch HNO_3 0,0001M có pH bằng

- A. 11. B. 3. C. 10. D. 4.

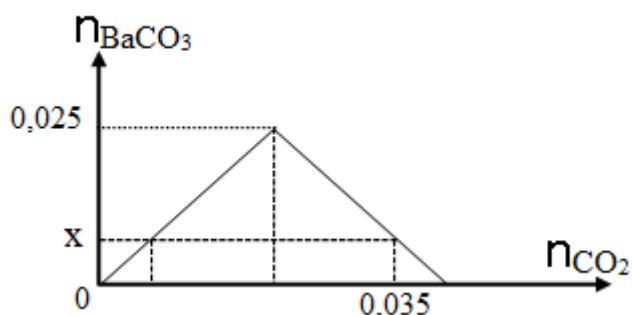
Câu 13. Dung dịch X gồm 0,05 mol K^+ , 0,04 mol Cl^- , 0,03 mol CO_3^{2-} và NH_4^+ . Cô cạn dung dịch X, thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 5,53. B. 6,07. C. 5,77. D. 5,51.

Câu 14. Phản ứng $\text{Ba}(\text{OH})_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{BaCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$ có phương trình ion thu gọn là

- A. $\text{H}^+ + \text{OH}^- \rightarrow \text{H}_2\text{O}$. B. $\text{Ba}^{2+} + 2\text{Cl}^- \rightarrow \text{BaCl}_2$.
C. $2\text{H}^+ + \text{OH}_2^- \rightarrow 2\text{H}_2\text{O}$. D. $\text{Ba}^{2+} + \text{Cl}_2^- \rightarrow \text{BaCl}_2$.

Câu 15. Dẫn từ từ CO_2 vào dung dịch chỉ chứa 0,025 mol $\text{Ba}(\text{OH})_2$. Đồ thị dưới đây biểu diễn sự phụ thuộc của số mol kết tủa BaCO_3 tạo thành theo số mol CO_2 .

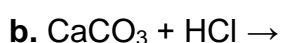
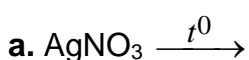


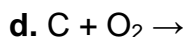
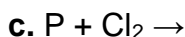
Giá trị của x là

- A. 0,035. B. 0,015. C. 0,025. D. 0,010.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN:

Câu 1 (2,0 điểm): Hoàn thành phương trình hóa học cho các phản ứng sau:





Câu 2 (1,5 điểm): Bảng dưới đây ghi lại kết quả quan sát khi nhỏ dung dịch $Ba(OH)_2$ vào các ống nghiệm (1), (2), (3), đun nóng đựng một trong các dung dịch NH_4NO_3 , K_2CO_3 , KCl không theo thứ tự.

Ống nghiệm	(1)	(2)	(3)
Hiện tượng	Xuất hiện kết tủa trắng	Thoát ra khí mùi khai	Không hiện tượng

a. Các ống nghiệm (1), (2), (3) lần lượt chứa dung dịch của chất nào?

b. Viết phương trình hóa học xảy ra.

Câu 3 (1,0 điểm): Hòa tan hoàn toàn m gam Zn vào dung dịch HNO_3 dư, thu được 313,6 ml khí NO_2 (đktc, sản phẩm khử duy nhất). Tính giá trị của m.

Câu 4 (0,5 điểm): Một cái ao dùng để nuôi thủy sản chứa 7000 m^3 nước có pH = 4,5. Trước khi nuôi, người ta làm tăng độ pH trong ao lên 7,0 bằng cách hòa m gam vôi sống (nguyên chất) vào nước trong ao. Tính giá trị m.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN HÓA HỌC 11

1. Trắc nghiệm

1A 2A 3B 4A 5B 6B 7A 8A 9D 10A 11B 12D 13B 14A 15B

2. Tự luận

Câu 1: - Mỗi PTHH đúng được **0,5** điểm.

- Nếu không cân bằng từ 2 - 3 PTHH thì **trừ 0,25** điểm.

- Nếu không cân bằng 4 PTHH thì **trừ 0,5** điểm.

- Nếu thiếu điều kiện của 2 phản ứng thì **trừ 0,25** điểm.

- Nếu một phản ứng vừa thiếu điều kiện vừa không cân bằng thì **trừ 0,25** điểm.

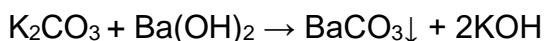
Câu 2:

- Chỉ ra đúng cả 3 dung dịch trong 3 ống nghiệm được **1,0** điểm. Nếu chỉ đúng 1 dung dịch thì được

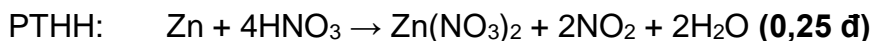
- Viết đúng mỗi PTHH được

a. Ống (1) chứa dung dịch K_2CO_3 , ống (2) chứa dung dịch NH_4NO_3 , ống (3) chứa dung dịch KCl .

b. PTHH:



Câu 3: Số mol của $\text{NO}_2 = 0,3136/22,4 = 0,014 \text{ mol}$ (**0,25 đ**)



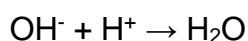
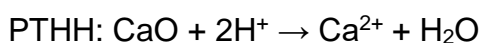
0,007

0,014

Tính được số mol $\text{Zn} = 0,007 \text{ mol}$ (**0,25 đ**)

$m_{\text{Zn}} = 0,007.65 = \mathbf{0,455 \text{ gam.}}$ (**0,25 đ**).

Câu 4: Ta có: $n_{\text{H}^+} = 7000.10^3.10^{-4,5} = 221,36 \text{ mol}$



$$n_{\text{CaO}} = \frac{n_{\text{H}^+}}{2} = 110,68 \text{ mol}$$

$m_{\text{CaO}} = 110,68.56 = \mathbf{6198,08 \text{ gam.}}$

10. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 – Số 10

TRƯỜNG THPT TÔN THẤT TÙNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN HÓA HỌC 11

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Trong phòng thí nghiệm, khí nitơ được điều chế từ

A. không khí.

B. NH_3 và O_2 .

C. NH_4NO_2 .

D. Zn và

HNO_3 .

Câu 2: Cho các tính chất sau: 1) Hòa tan tốt trong nước, 2) Nặng hơn không khí, 3) Tác dụng với axit,

4) Làm xanh quỳ tím ẩm, 5) Khử được hiđro. Những tính chất của NH_3 là:

A. 1, 4, 5.

B. 1, 2, 3.

C. 1, 3, 4.

D. 2, 4, 5.

Câu 3: Hợp chất **không** thể tạo ra khí cho dung dịch HNO₃ tác dụng với kim loại là

- A. NO. B. N₂. C. NO₂. D. N₂O₅.

Câu 4: Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Đơn chất photpho hoạt động hóa học kém hơn nitơ.
B. Photpho trắng độc và phát quang trong bóng tối.
C. Photpho đỏ bền hơn photpho trắng.
D. Photpho vừa có tính oxi hóa vừa có tính khử.

Câu 5: Dãy gồm tất cả các muối đều tan trong nước là

- A. (NH₄)₂HPO₄, Ba(H₂PO₄)₂, Na₃PO₄. B. Na₃PO₄, CaHPO₄, Ca₃(PO₄)₂.
C. BaHPO₄, Ca₃(PO₄)₂, K₃PO₄. D. Ca(H₂PO₄)₂, BaHPO₄, NH₄H₂PO₄.

Câu 6: Độ dinh dưỡng của phân lân được đánh giá bằng hàm lượng phần trăm của

- A. P. B. PO₃³⁻. C. P₂O₅. D. NO₃⁻.

Câu 7: Muối nào sau đây bền với nhiệt?

- A. NH₄Cl. B. NaCl. C. NaNO₃. D. NH₄HCO₃.

Câu 8: Để nhận biết 3 chất khí riêng biệt: N₂, HCl và H₂S có thể dùng dung dịch

- A. AgNO₃. B. CaCl₂. C. Ca(OH)₂. D. Cu(NO₃)₂.

Câu 9: Phản ứng nào sau đây **không** đúng?

- A. 2NH₃ + H₂SO₄ → (NH₄)₂SO₄.
B. 2NH₃ + 3O₂ $\xrightarrow{t_0C}$ N₂ + 6H₂O.
C. (NH₄)₂SO₄ + Ba(OH)₂ → BaSO₄ + 2NH₃ + 2H₂O.
D. NH₄NO₃ $\xrightarrow{t_0C}$ NH₃ + HNO₃.

Câu 10: Cho các chất Fe₂O₃, ZnO, FeO, Fe₃O₄, MgO lần lượt tác dụng với axit HNO₃ loãng. Số phản ứng oxi hóa khử xảy ra là

- A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 11: Hiện tượng hóa học nào sau đây được mô tả đúng?

- A. Có khí màu nâu đỏ thoát ra khi cho một mẫu nhôm vào dung dịch HNO₃ đặc, nguội.

- B. Que đóm bùng cháy khi cho vào bình đựng muối KNO_3 đun nóng.
 C. Dung dịch HNO_3 để lâu ngoài không khí sẽ chuyển từ không màu sang màu hồng.
 D. Có khí không màu hóa nâu ngoài không khí khi cho CuO vào dung dịch HNO_3 loãng.

Câu 12: Trong phản ứng hóa học nào sau đây P đóng vai trò là chất oxi hóa?

- A. $4\text{P} + 2\text{O}_2 \rightarrow 2\text{P}_2\text{O}_5$.
 B. $2\text{P} + 5\text{Cl}_2 \rightarrow 2\text{PCl}_5$.
 C. $2\text{P} + 3\text{Ca} \rightarrow \text{Ca}_3\text{P}_2$.
 D. $\text{P} + 5\text{HNO}_3$ (đặc) $\rightarrow \text{H}_3\text{PO}_4 + 5\text{NO}_2 + \text{H}_2\text{O}$.
Câu 13: Cho dung dịch AgNO_3 vào dung dịch X thì xuất hiện kết tủa màu vàng tan được trong dung dịch HNO_3 . X là

- A. K_3PO_4 .
 B. KI.
 C. KBr.
 D. KCl

Câu 14: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Nên bón phân đạm amoni ở vùng đất chua.
 B. Phân lân nung chảy không thích hợp bón ở vùng đất chua.
 C. Không nên trộn phân superphosphat cùng với vôi bột để bón cho đất.
 D. Nên trộn phân đạm amoni cùng với vôi bột để bón ở vùng đất chua.

Câu 15: Cặp chất nào sau đây có thể tồn tại trong cùng một dung dịch?

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và H_3PO_4 .
 B. NaOH và NH_4Cl .
 C. Na_3PO_4 và AgNO_3 .
 D. HNO_3 và $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$.

Câu 16: Để điều chế 2 lít NH_3 từ N_2 và H_2 với hiệu suất 25% thì thể tích N_2 cần dùng ở cùng điều kiện là

- A. 8 lít.
 B. 2 lít.
 C. 4 lít.
 D. 1 lít.

Câu 17: Nếu toàn bộ quá trình điều chế HNO_3 có hiệu suất 80% thì từ 1 mol NH_3 thu được khối lượng HNO_3 là (Cho: N=14, H=1, O=16)

- A. 63 gam.
 B. 50,4 gam.
 C. 78,75 gam.
 D. 62,65 gam.

Câu 18. Cho sơ đồ: Quặng Photphorit $\xrightarrow[\text{lodien}]{\text{SiO}_2} \text{P} \xrightarrow{\text{O}_2, \text{t}^\circ} \text{P}_2\text{O}_5 \xrightarrow{\text{H}_2\text{O}} \text{H}_3\text{PO}_4$ với hiệu suất chung cả quá trình là 90%. Để điều chế được 1 tấn dung dịch H_3PO_4 49% cần khối lượng quặng photphorit chứa 73% $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$ là (Cho: Ca=40, P=31, O=16, H=1)

A. 1,18 tấn. B. 1,23 tấn. C. 1,32 tấn. D. 1,81 tấn.

Câu 19: Phân đạm urê thường chỉ chứa 46% N. Khối lượng phân urê đủ cung cấp 70 kg N là (Cho: N=14, H=1, O=16)

A. 152,17 kg. B. 145,5 kg. C. 160,9 kg. D. 200,0 kg.

Câu 20: Cho 2,4 gam Mg tan hoàn toàn trong dung dịch HNO₃ loãng dư. Sau khi phản ứng kết thúc không có khí thoát ra. Cho NaOH dư vào dung dịch thu được thấy có V lít khí (đktc) không màu mùi khai thoát ra. Giá trị của V là (Cho: Mg=24, N=14, O=16, H=1)

A. 2,24. B. 4,48. C. 0,56. D. 0,448.

Phần 2: Tự luận

Câu 1: Bằng phương pháp hóa học hãy nhận biết các dung dịch riêng biệt mất nhãn sau: NH₄Cl, NaNO₃, (NH₄)₂SO₄. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Câu 2: Hòa tan 2,88 gam hỗn hợp gồm Fe và Mg trong dung dịch HNO₃ loãng dư thu được 0,896 lít khí X gồm NO và N₂ (đktc) có tỉ khối so với H₂ bằng 14,75. Sau phản ứng không có muối amoni tạo thành. Tính thành phần phần trăm khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu. (Cho Fe=56, Mg=24, N=14, O=16, H=1)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN HÓA HỌC 11

Trắc nghiệm khách quan:

1C 2C 3D 4A 5A 6C 7B 8A 9D 10D 11B 12C 13A 14C 15D 16C 17B 18A 19A 20C

Bài tập tự luận:

Câu 1: Dùng thuốc thử Ba(OH)₂ và nêu đúng hiện tượng

Câu 2: Tính được số mol NO = 0,03, N₂ = 0,01

Lập hệ 2 PT: $56x + 24y = 2,88$ và $3x + 2y = 0,19$

Giải được $x = 0,03$, $y = 0,05$

Tính %m Fe = 58,33% và %m Mg = 41,67%